

Số: 2596 /QĐ-ĐHNN

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025
đối với sinh viên bằng đại học thứ nhất, hình thức đào tạo chính quy
của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-ĐHH ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-ĐHNN ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ban hành về việc Quy định mức thu, miễn giảm học phí năm học 2023-2024 cho các hệ đào tạo tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Công tác sinh viên và Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính & Cơ sở vật chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức trần học phí và mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025 đối với sinh viên bằng đại học thứ nhất, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2024-2025. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Phụ trách phòng CTSV, Trưởng phòng KH,TC&CSVC, sinh viên bậc đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT, CTSV, KH,TC&CSVC.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Phụ lục 1

MỨC TRẦN HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2596 /QĐ-ĐHNN ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

Khóa tuyển sinh và đào tạo	Khối ngành	Mức trần học phí (đồng)/tháng
Năm học 2021-2022	I	1.410.000
	VII	1.500.000
Năm học 2022 - 2023	I	1.700.000
	VII	1.700.000
Năm học 2023 - 2024	I	1.700.000
	VII	1.700.000
Năm học 2024 - 2025	I	1.800.000
	VII	1.800.000

Phụ lục 2

**MỨC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024-2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẰNG ĐẠI HỌC THỨ NHẤT, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2596 /QĐ-ĐHNN ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)*

I. Đối với khóa tuyển sinh và đào tạo năm học 2021-2022

1. Khối ngành I : Ngành Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng
Khá	Khá trở lên	Khá (C)	1.410.000
Giỏi	Khá	Khá (C)	1.410.000
Xuất sắc	Khá	Khá (C)	1.410.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi (B)	1.762.500
Xuất sắc	Tốt	Giỏi (B)	1.762.500
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc (A)	2.115.000

2. Khối ngành VII: Ngành Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh, Việt Nam học, Quốc tế học, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Trung Quốc

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng
Khá	Khá trở lên	Khá (C)	1.500.000
Giỏi	Khá	Khá (C)	1.500.000

Xuất sắc	Khá	Khá (C)	1.500.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi (B)	1.875.000
Xuất sắc	Tốt	Giỏi (B)	1.875.000
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc (A)	2.250.000

II. Đối với khóa tuyển sinh và đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng
Khá	Khá trở lên	Khá (C)	1.700.000
Giỏi	Khá	Khá (C)	1.700.000
Xuất sắc	Khá	Khá (C)	1.700.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi (B)	2.125.000
Xuất sắc	Tốt	Giỏi (B)	2.125.000
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc (A)	2.550.000

II. Đối với khóa tuyển sinh và đào tạo năm học 2024-2025

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng
Khá	Khá trở lên	Khá (C)	1.800.000
Giỏi	Khá	Khá (C)	1.800.000
Xuất sắc	Khá	Khá (C)	1.800.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi (B)	2.250.000
Xuất sắc	Tốt	Giỏi (B)	2.250.000
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc (A)	2.700.000